

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21-4-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh,

Bà Tạ Thị Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2026/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị I, sinh năm 1981;

Căn cước công dân số: 031181005830 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố Q, phường N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Hàn Quốc; có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974;

Căn cước công dân số: 031074007927 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/12/2021.

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường N, thành phố Hải Phòng; có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn bà Hoàng Thị I trình bày: Bà tự nguyện kết hôn với ông Nguyễn Văn Đ vào ngày 21/4/2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là UBND phường N, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra bất hòa và cãi vã nhau. Hai bên đã cố gắng hòa hợp để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà sang nước Hàn Quốc làm việc lâu dài từ năm 2021 đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; bà xin ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con là Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 31/10/2000; Nguyễn Thị Phương H1, sinh ngày 30/3/2005 và Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/01/2013. Hiện cháu H và cháu H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn bà I có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1 đến khi đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con giữa bà và ông Đ thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa, không trực tiếp về Việt Nam làm thủ tục được nên bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; xin được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà ủy quyền cho em gái là Hoàng Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ D, phường D, thành phố Hải Phòng nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự: Thống nhất với bà I về thời gian điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn do không thống nhất trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình nên thường xảy ra cãi vã và không tôn trọng nhau. Đến năm 2021, bà I đi lao động lâu dài tại nước Hàn Quốc, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau. Đến năm 2023, bà I trở về Việt Nam thăm gia đình 01 lần, khoảng 02 tháng sau thì trở về Hàn Quốc làm việc cho tới nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; bà I có đơn xin ly hôn, ông tôn trọng và đồng ý ly hôn bà I.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con là Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 31/10/2000; Nguyễn Thị Phương H1, sinh ngày 30/3/2005 và Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/01/2013. Hiện cháu H và cháu H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Đ1 đang do ông nuôi dưỡng, có sức khỏe tốt. Khi ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1 đến khi đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Hoàng Thị L trình bày: Bà là em gái bà Hoàng Thị I. Nay bà I có đơn xin ly hôn ông Đ gửi Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng đã ủy quyền cho bà để nhận thay các văn bản tố tụng trong vụ án. Bà đồng ý nhận đầy đủ các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt và cam kết thông báo lại ngay cho bà Hoàng Thị I biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Các đương sự trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và công nợ đúng như những gì chị biết. Sau khi thụ lý vụ án, ông Đ có ý kiến đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1 đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; bà L đã thông báo nội dung này cho bà I và bà I đồng ý với yêu cầu của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà I và ông Đ đều vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; 273; 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà I được ly hôn ông Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/01/2013 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 31/10/2000 và chị Nguyễn Thị Phương H1, sinh ngày 30/3/2005 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà I phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà I xin ly hôn ông Đ và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Các đương sự đều là công dân Việt Nam, ông Đ có địa chỉ cư trú tại: Tổ dân phố Q, phường N, thành phố Hải Phòng; bà I có đăng

ký HKTT tại: Tổ dân phố Q, phường N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Theo Công văn số 2294/XNC-Đ1 ngày 30/3/2026 của Phòng Q, Công an thành phố H cung cấp: Bà Hoàng Thị I đã làm thủ tục xuất cảnh gần nhất từ ngày 21/01/2026, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bà I và ông Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đơn xin ly hôn của bà I; bản tự khai của bà I đã được Tòa án Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tại Phòng K - Công an thành phố H để thực hiện giám định: Xác định chữ ký, chữ viết “In, Hoàng Thị I” của bà Hoàng Thị I tại Đơn xin ly hôn ngày 12/02/2026, Bản tự khai ngày 12/02/2026 so với Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01 ngày 21/4/2000 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng có phải do cùng một người là bà Hoàng Thị I ký không? Tại Kết luận giám định số 1253/KL-KTHS ngày 31/3/2026 của Phòng K - Công an thành phố H đã kết luận chữ ký, chữ viết “In, Hoàng Thị I” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của người mang tên Hoàng Thị I trên mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người viết ra. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà I và ông Đ xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là UBND phường N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 21/4/2000. Quan hệ hôn nhân giữa bà I và ông Đ được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn do không thống nhất trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình nên thường xảy ra cãi vã và không tôn trọng nhau. Đến năm 2021, bà I đi lao động lâu dài tại nước Hàn Quốc, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay các đương sự đều xác định tình cảm không còn và đề nghị được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét hôn nhân giữa bà I và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của bà I, cho bà I được ly hôn ông Đ là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông Đ và bà I có 03 con chung là Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 31/10/2000; Nguyễn Thị Phương H1, sinh ngày 30/3/2005 và Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/01/2013. Mặc dù trong đơn xin ly hôn bà I có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1, nhưng hiện nay cháu Đ1 đang ở cùng ông Đ và được ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định; ông Đ đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ1; bà I đã được bà L thông báo và thống nhất với đề nghị

này. Xét thấy, ông Đ có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; mặt khác, cháu Đ1 có nguyện vọng được ở với ông Đ, nên việc giao cháu Đ1 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu Nguyễn Văn Đ1 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Hiện nay chị Nguyễn Thị Lan H và chị Nguyễn Thị Phương H1 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động; các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị I được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/01/2013 cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 31/10/2000 và chị Nguyễn Thị Phương H1, sinh ngày 30/3/2005 hiện đã thành niên; các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị I phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002274 ngày 03 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà Hoàng Thị I đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Hoàng Thị I có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Thị Minh

Tạ Thị Hương

Phạm Thị Ngà

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND phường Nam Đồ Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

Phạm Thị Nga

